

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

### I- SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên **TRẦN THỊ NĂNG THU** Nữ  
Năm sinh: 1975  
Quê quán: Ý Yên, Nam Định  
Đơn vị công tác: Khoa Thủy sản, Học viện Nông nghiệp Việt nam  
Chức vụ: Phó Khoa  
Địa chỉ liên hệ: Khoa Thủy sản, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội  
Email: [trannangthu@vnua.edu.vn](mailto:trannangthu@vnua.edu.vn)

### II- QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Tốt nghiệp đại học:

- Nơi đào tạo: Đại học Bách Khoa Hà Nội Thời gian đào tạo: 1992-1997
- Chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm
- Hình thức đào tạo: Chính quy Năm tốt nghiệp: 1997

#### 2. Học Cao học và bảo vệ học vị Thạc sĩ:

- Nơi đào tạo: Đại học ENSIA-SIARC, Cộng hoà Pháp Thời gian đào tạo: 2000-2002
- Chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm
- Năm được cấp bằng Thạc sĩ: 2002

#### 3. Nghiên cứu sinh và bảo vệ học vị Tiến sĩ:

- Nơi đào tạo: Đại học Louvain, Vương quốc Bỉ Thời gian đào tạo: 2004-2008
- Chuyên ngành: Khoa học Nông nghiệp và Sinh học (chuyên ngành chuyên sâu : sinh hoá dinh dưỡng thủy sản)
- Tên luận án: Nutritional value of sesame oil cake and lysine utilization efficiency in plant protein-based diets for rainbow trout (Đánh giá giá trị dinh dưỡng của khô dầu vừng và hiệu quả sử dụng Lysine trong thức ăn có nguồn gốc thực vật đối với cá hồi vân)
- Năm được cấp bằng Tiến sĩ : 2008

#### 4. Học vị: Phó Giáo Sư,

Ngành Thủy Sản

Năm được phong : 2013

6. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Anh: Nghe, nói, đọc, viết : Tốt  
Tiếng Pháp: Nghe, nói, đọc, viết : Tốt

7. Trình độ tin học: Cơ bản

## 8. Các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ

STT	Lớp bồi dưỡng	Giáo viên	Thời gian	Bằng/chứng chỉ
1	Vi sinh vật đại cương và thực phẩm	Bỉ	2003	Chứng chỉ
2	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	Bỉ	2004	Chứng chỉ
3	Phương pháp xây dựng và viết các dự án nghiên cứu	Cộng đồng chung Châu Âu	2008	Chứng chỉ
4	Tìm kiếm và xử lý thông tin	Bỉ	2008	Chứng chỉ
5	Quản lý và kiểm soát bệnh học thủy sản	Trung Quốc	2009	Chứng chỉ
6	Bố trí thí nghiệm và thống kê sinh học	Bỉ	2010	Chứng chỉ
7	Công nghệ sản xuất thức ăn ép đùn, dinh dưỡng và quản lý thức ăn trong nuôi trồng thủy sản	Nhiều nước	25-26/1/2010	Chứng chỉ
8	Dinh dưỡng, thức ăn và khẩu phần ăn trong nuôi trồng thủy sản	Bỉ	1-5/3/2010	Chứng chỉ
9	Viết dự án quốc tế dành cho khu vực Đông Nam Á (phần 1)	DIES – Đức	14-18/6/2010	Chứng chỉ
10	Công nghệ ép đùn ứng dụng trong sản xuất thức ăn thủy sản	Úc	28-30/6/2010	Chứng chỉ
11	Tập huấn kỹ năng lãnh đạo cho cán bộ trẻ trong các trường Đại Học khối Nông nghiệp khu vực Đông Nam Á	Indonesia	19-24/7/2010	Chứng chỉ
12	Viết dự án quốc tế dành cho khu vực Đông Nam Á (phần 2)	DIES – Đức	6-10/12/2010	Chứng chỉ
13	Viết dự án EU	Bỉ	4-15/4/2011	Chứng chỉ
14	Giáo dục cơ bản về Quyền lợi động vật	Thái Lan	25-26/4/2011	Chứng chỉ
15	Cơ sở dữ liệu sản xuất thức ăn thủy sản khu vực Châu Á Thái Bình Dương (phần 1)	Mỹ	12/2014	Chứng chỉ
16	Kỹ thuật và thiết bị ép đùn trong sản xuất thức ăn thủy sản	Mỹ	3/2015	Chứng chỉ
17	Cơ sở dữ liệu sản xuất thức ăn thủy sản khu vực Châu Á Thái Bình Dương (phần 2)	Mỹ	10-11/9/2015	Chứng chỉ
18	Hội nhập kinh tế thế giới trong lĩnh vực quản lý chất lượng thủy sản	Việt Nam	15-19/3/2016	Chứng chỉ
19	Công nghệ nuôi cá “sông trong ao” In-Pond Raceway Aquaculture (IPA)	Mỹ-Việt Nam	2016	Chứng chỉ
20	Giảng viên VietGAP trong nuôi trồng thủy sản	Việt Nam	23/1/2017	Chứng chỉ
21	FAO TCP/RAS/3511 Các công cụ đánh giá sức tải môi trường trong Nuôi trồng thủy sản	FAO	27-28/3/2017	Chứng chỉ
22	Đánh giá viên VietGAP	Tổng cục thủy sản	7-11/5/2018	Tham gia

## 9. Hoạt động giảng dạy

Thời gian	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức
1997-1999	Cán bộ hợp đồng	Trường ĐH Nông nghiệp I	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội
1999- 2008	Giảng viên	Trường ĐH Nông nghiệp I	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội
2008- 2013	Giảng viên	Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội
2013 - 2014	Giảng viên, PGS	Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội
2014 - 2016	Giảng viên, PGS	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội
2016-nay	GVCC, PGS	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

**Các môn giảng dạy trình độ đại học**

Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản  
 Bảo quản và chế biến thủy sản  
 Bệnh do dinh dưỡng, môi trường và dịch hại  
 Nuôi trồng thủy sản đại cương  
 Kỹ thuật nuôi thủy đặc sản  
 Truy suất nguồn gốc sản phẩm thủy sản

**Các môn giảng dạy trình độ cao học**

Công nghệ chế biến và sản xuất thức ăn thủy sản  
 Công nghệ thu hoạch, bảo quản và chế biến thủy sản ( ngành Nuôi trồng thủy sản, Công nghệ thực phẩm)  
 Phương pháp nghiên cứu trong nuôi trồng thủy sản  
 Feed and Nutrition in Aquaculture (Giảng dạy bằng tiếng Anh cho chương trình cao học Việt-Bỉ về Nuôi trồng thủy sản ( International Master on Aquaculture), từ 2016 đến nay )  
 Preservation and processing technology for seafood product (Giảng dạy bằng tiếng Anh cho chương trình cao học Việt-Bỉ về Công nghệ thực phẩm ( International Master on Food science and Technology), từ 2017 ).

**10. Các đề tài/dự án từ năm 2010 đến nay**

ST T	Project/program	Level/Donor	Date	Position
1	1. Nâng cao hiệu quả sản xuất và sử dụng thức ăn cho cá chép ( <i>Cyprinus</i>	CUI (Bỉ)	2010-2011	<i>Chủ nhiệm</i>

	<i>carpio</i> ) tại Thái Nguyên.			
2	2. Sử dụng phụ phẩm vừng ( <i>Sesamum indicum</i> L.) thay thế cho bột cá trong sản xuất thức ăn cho cá trắm đen ( <i>Mylopharyngodon piceus</i> ) thương phẩm nuôi tại miền Bắc Việt Nam	Sida SAREC Programe MEKARN (Thụy Điển)	2009-2010	Tham gia
3	3. Ảnh hưởng của thức ăn giun quế và bèo tấm lên sinh trưởng của cá trong hệ thống nuôi ghép	Sida SAREC Programe MEKARN (Thụy Điển)	2009-2010	Chủ nhiệm
4	4. Sử dụng đạm thực vật trong sản xuất thức ăn cho cá hồi vân nuôi thương phẩm tại Việt Nam	MoET (Vietnam)	2010-2011	Chủ nhiệm
5	5. Sử dụng nguyên liệu địa phương trong sản xuất thức ăn thủy sản ở các tỉnh miền núi phía Bắc	CUD (Bỉ)	2009	Chủ nhiệm
6	6. Cải thiện thu nhập hộ gia đình bằng cách sử dụng giun trong xử lý chất thải hữu cơ và nuôi thủy sản quy mô nhỏ.	Seed Money Grant (Mỹ)	2010	Tham gia
7	7. Dinh dưỡng và thức ăn cá	ELAN (CUD, Bỉ)	2010	Chủ nhiệm
8	8. Nâng cao chất lượng thịt cá chép bằng thức ăn giàu axit béo không no mạch dài	CIUF, Bỉ	2011	Chủ nhiệm
9	9. Nghiên cứu phát triển thức ăn công nghiệp cho cá trắm đen ( <i>Mylopharyngodon piceus</i> ) nuôi tại Miền Bắc Việt Nam	International Foundation for Science, Thụy Điển	2012-2013	Chủ nhiệm
10	10. Áp dụng công nghệ thích hợp vào quy mô sản xuất nông hộ nhằm nâng cao an ninh lương thực cho người dân bản địa Lào và Campuchia.	Cộng đồng chung Châu Âu EU	2012-1015	Tham gia
11	11. Ảnh hưởng của nguồn chất béo đến chất lượng dinh dưỡng và hệ miễn dịch của cá chép <i>Cyprinus carpio</i> , đối tượng nuôi quan trọng của miền Bắc Việt Nam	CIUF, Bỉ	2014-12015	Chủ nhiệm
12	12. Xác định độ tiêu hóa của bột ngô sử dụng làm thức ăn cho cá trắm đen ( <i>Mylopharyngodon piceus</i> )	Trường quản lý	2014-2015	Hướng dẫn nhóm SVNCKH
13	13. Nghiên cứu phân loại và đánh giá sinh trưởng một số quần đàn cá chim vây vàng ( <i>Trachinotus blochii</i> ) ở Việt Nam	Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014-2016	Tham gia
14	14. Nghiên cứu về hiệu quả nuôi cá chim vây ngắn và vây dài sử dụng ba loại thức ăn khác nhau	NORAD, Đan Mạch	2014-2015	Chủ nhiệm

15	15. Chuyển giao công nghệ sản xuất thức ăn viên cho cá và hoàn thiện quy trình phù hợp điều kiện tỉnh Thái Nguyên	ĐH Thái Nguyên	12.1.2015 (60 triệu)	<i>VNUA chuyển giao cho ĐH Thái Nguyên</i>
16	16. Nghiên cứu chế độ ăn đạt hiệu quả kinh tế và giảm ô nhiễm môi trường trong nuôi cá Tra thương phẩm	Cấp Bộ Nông nghiệp	2016-2018	<i>Chủ nhiệm</i>
17	17. Nghiên cứu sử dụng một số chất khử trùng trong các trang trại nuôi tôm ở phía Bắc Việt Nam	CIUF, Bỉ	2017	<i>Chủ nhiệm</i>
18	18. Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi thủy sản-Yêu cầu kỹ thuật đảm bảo an toàn thực phẩm	Cấp Bộ Nông nghiệp	2016-2017	<i>Chủ nhiệm</i>
19	19. Nghiên cứu bổ sung chế phẩm sinh học EMINA trong thức ăn cho cá rô phi ( <i>Oreochromis niloticus</i> ) giai đoạn 20-200g. (SV2017-02-23)	Đề tài SVNCKH	8/3/2017 – 21/12/2017	<i>Hướng dẫn nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học</i>
20	20. Improving the child institutions' resilience to food shocks, by upholding some local resources for the development of a sustainable innovative aquaculture in DPR of Korea	EU	2018-2021	<i>Tham gia</i>
21	21. Nâng cao hiệu quả nuôi cá chim vây vàng <i>Trachinotus blochii</i> bằng khô dầu đậu tương được loại bỏ yếu tố kháng dinh dưỡng. Improvement of growth performances and physiological conditions of pompano <i>Trachinotus blochii</i> fed soybean meal by elimination of anti-nutritional factors.	NAFOSTED Mã số hồ sơ: 106.05-2017.21	2018-2020	<i>Tham gia</i>
22	22. Tìm hiểu thị trường thiết bị và giải pháp quan trắc và kiểm soát môi trường nước sử dụng trong nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức siêu thâm canh, thâm canh và bán thâm canh tại các vùng nuôi tập trung ở Đồng bằng sông Cửu Long.	Cấp Cơ sở Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc VKIST	2019-2020	<i>Tham gia</i>
23	23. Promoting the management of feed-borne waste in aquaculture	Belgium	2020-2021	<i>Participant</i>

24	24. Xây dựng bản đồ công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ trong việc phát triển và ứng dụng IoT tại Việt Nam	Mã số: ĐM.40.DA/19	1/2019- 12/2020	<i>Tham gia</i>
25	25. Improve the balance in protein for the vulnerable population through the improvement of aquaculture value chain performances taken into consideration sustainable and innovative management in DPRK	EU	2021-2023	<i>Participant</i>

## 11. Công trình khoa học đã công bố

### *Xuất bản bằng tiếng Anh*

1. Tran Thi Nang Thu, Charles Parkouda, Sarah de Saeger, Yvan Larondelle, Xavier Rollin, 2007. Comparison of the lysine utilization efficiency in different plant protein sources supplemented with l-lysine·HCl in rainbow trout (*Oncorhynchus mykiss*) fry. *Aquaculture, Volume 272, Issues 1-4, Pages 477-488.*
2. Tran Thi Nang Thu, 2008. Nutritional value of sesame oil cake and lysine utilization efficiency in plant protein based- diets for rainbow trout. *PhD thesis, Université catholique de Louvain, Belgium.*
3. Tran Thi Nang Thu, Charles Parkouda, Sarah de Saeger, Yvan Larondelle, Xavier Rollin, 2009. Protein level does not affect lysine utilization efficiency at marginal lysine intake in growing rainbow trout (*Oncorhynchus mykiss*) fry. *Aquaculture 288, Pages 312-320.*
4. Tran Thi Nang Thu, Noelie Bodin, Sarah de Saeger, Yvan Larondelle, Xavier Rollin, 2011. Substitution of fish meal by sesame oil cake (*Sesamum indicum* L.) in the diet of rainbow trout (*Oncorhynchus mykiss* W.). *Aquaculture Nutrition, Volume 17, Issue 1, Pages 80-89.*
5. Müller, J.L., Pucher, J., Tran, T.N.T., Focken, U., Kreuzer, M., 2011. Kompostwürmer: Eine lokale Proteinquelle für fischhaltende Kleinbetriebe in vietnamesischen Berggebieten? (Compost worms: A local source of protein for small-scale farms with aquacultural activities in the mountainous areas of Vietnam?) In: Kreuzer, M., Lanzini, T., Wanner, M., Bruckmaier, R., Guidon, D. (Eds.), *Zukunftsträchtige Futtermittel und Zusatzstoffe, ETH-Schriftenreihe zur Tierernährung 34, ETH Zurich, Zurich, pp.88-90.*
6. Noélie Bodin, Gilles Delfosse, Tran Thi Nang Thu, Eric Le Boulengé, Tarik Abboudi, Yvan Larondelle, Xavier Rollin (2012). Effects of fish size and diet adaptation on growth performances and nitrogen utilization of rainbow trout (*Oncorhynchus mykiss* W.) juveniles given diets based on free and/or protein-bound amino acids. *Aquaculture 356-357, pages 105-115.*
7. Tran Quang Hung, Mintra Seel-audom, Tran Thi Nang Thu (2015). Apparent digestibility of selected feedstuffs for black carp. *Chiang Mai University Journal of Natural Science, 14(3), pages 285-298.*
8. Tran Quang Hung, Tran Thi Nang Thu, Mintra Seel-audom, 2015. Effect of rice bran replacement by corn meal on growth, feed utilization of black carp (*Mylopharyngodon piceus*). In: The 53rd Kasetsart University Annual Conference "Smart Agriculture: The Future of Thailand", Bangkok 3-6 Feb 2015.

9. Philippe Lebailly, Bui Thi Nga, NgoThi Thu Hang, Tran Thi Nang Thu (2015). Capacity building and services to assist local farmers to improve aquaculture management in Vietnam. Proceeding of The 5th International Conference on Sustainable Animal Agricultural for Developing Countries, 27-30 October 2015, Thailand; pages 852-859, ISBN 978-974-625-711-4.
10. Tran Thi Nang Thu, Tran Quang Hung (2015). Meat and bone meal as an alternative for fish meal in diets for black carp. Proceeding of The 5th International Conference on Sustainable Animal Agricultural for Developing Countries, 27-30 October 2015, Thailand; pages 4-11.
11. Nguyen Van Huong, Tran Huu Cuong, Tran Thi Nang Thu, Philippe Lebailly, (2015). Freshwater aquaculture system in Red River Delta of Vietnam: Evolution of key role in food system and rural development. Proceedings of the International Conference on World Food Policy, Thailand 17-18 December 2015.
12. Hong Thi Khanh Nguyen, Tran Thi Nang Thu, Philippe Lebailly (2016). New challenges for the Vietnamese aquaculture sector. Proceeding of the Internationale conference on: *The Economy of Vietnam In The Integration Period: Opportunities and Challenges*, Hue 27-28 April 2016, pages 619-628.
13. Tran Quang Hung, Tran Thi Nang Thu and Mintra Seel-audom (2016). Utilization of Maize Animal Feeds in Northern Upland Region of Vietnam. Article Journal of Agriculture, Volume 32 Issue 2, pages 283-298.
14. Tran Thi Nang Thu\*, Tran Thi Thap Hieu, **Nguyen Tuan Dat** and Tran Quang Hung (2016). Apparent Digestibility of Some Commercial Feeds for Snubnose Pompano, *Trachinotus blochii*. Kasatsart University Fisheries Research Bulletin 2016, Volume 40 (2): pages 11-16.
15. Nguyen Thi Khanh Hong, Tran Thi Nang Thu, Philippe Lebailly (2016). New challenges for the Vietnamese aquaculture sector. International Conference "The economy of Vietnam in the integration period: opportunities and challenges: Proceedings, April 27th & 28th, 2016. ISBN 978-604-86-9872-0.
16. Tran Thi Nang Thu and Philippe Lebailly (2017). On Sustainable Aquaculture. Oceanography and Fisheries Open Access Journal, Volume 17, Issue 3: 001-002.
17. Nguyen Thi Khanh Hong, Phan Thi Thu Hien, Tran Thi Nang Thu, Philippe Lebailly (2017). Vietnam's Fisheries and Aquaculture Development's Policy: Are Exports Performance Targets Sustainable? Oceanography and fisheries, Volume 5, Issue 4 : 555667. DOI: 10.19080/OFOAJ.2017.05.555667. (ISI with impact factor of 0.593)
18. Nguyen Van Huong, Tran Huu Cuong, Tran Thi Nang Thu, Philippe Lebailly (2017). New Freshwater Aquaculture Systems in the Red River Delta of Vietnam: Evolution of a Hey Role in Food Systems and Rural Development. World Food Policy journal, Vol. 3, No. 2 / Vol. 4, No. 1 Fall 2016 / Spring 2017: 33-56 pages.
19. Nguyen Van Huong, Tran Huu Cuong, Tran Thi Nang Thu, Philippe Lebailly (2018). Efficiency of Different Integrated Agriculture Aquaculture Systems in the Red River Delta of Vietnam (2018). Sustainability 2018, 10, 493; doi:10.3390/su10020493, ISSN: 2071-1050.
20. Hong Thi Khanh Nguyen, **Tran Thi Nang Thu**, Philippe Lebailly & Hossein Azadi, (2019). Economic challenges of the export-oriented aquaculture sector in Vietnam. Journal of Applied Aquaculture, Volume 31, Issue 4, Pages 367-383.
21. Hien Doan Van, **Tran Thi Nang Thu** (2019). Boosted growth performance, mucosal and serum immunity, and disease resistance Nile tilapia (*Oreochromis niloticus*) fingerlings

- using corncob-derived xylooligosaccharide and *Lactobacillus plantarum* CR1T5. *Probiotics and Antimicrobial Proteins* journal, doi:10.1007/s12602-019-09554-5.
22. Thi Mai Nguyen, Syaghalirwa N.M. Mandikia, **Thi Nang Thu Tran**, Yvan Larondelle, Julie Mellery, Eric Mignolet, Valérie Cornet, Enora Flamion, Patrick Kestemont (2019). Growth performance and immune status in common carp *Cyprinus carpio* as affected by plant oil-based diets complemented with  $\beta$ -glucan. *Fish and Shellfish Immunology*, N° 92, pages 288-299.
  23. Thi Mai Nguyen, Syaghalirwa N.M. Mandikia, Curie Gensea, **Thi Nang Thu Tran**, Thu Hang Nguyen, Patrick Kestemont (2019). A combined in vivo and in vitro approach to evaluate the influence of linseed oil or sesame oil and their combination on innate immune competence and eicosanoid metabolism processes in common carp (*Cyprinus carpio*). *Developmental and Comparative Immunology* journal, Online available, DOI: 10.1016/j.dci.2019.103488.
  24. Nguyen Dang Hoang Thu , Cao Le Quyen , Le Thi Minh Hang , **Nang Thu Tran Thi** & Philippe Lebailly (2020). Social Value Chain Analysis: The Case of Tuna Value Chain in Three South Central Provinces of Vietnam. *Asian Social Science*; Vol. 16, No. 8; 2020 ISSN 1911-2017 E-ISSN 1911-2025 Published by Canadian Center of Science and Education. Q3. IF=0.29, H index 25.
  25. Thi Mai Nguyen, Syaghalirwa N.M. Mandiki, Jean M.A.J. Salomon , Joel Bondekwe Baruti , **Nang Thu Tran Thi** , Thu Hang Nguyen, Truong Quynh Nhu, Patrick Kestemont (2020). Pro- and anti-inflammatory responses of common carp *Cyprinus carpio* head kidney leukocytes to *E.coli* LPS as modified by different dietary plant oils. *Developmental and Comparative Immunology*, N° 114, <https://doi.org/10.1016/j.dci.2020.103828>. Available online 13 August 2020 ( ELSELVIER IF = 3.641)
  26. Philippe Lebailly, Yong Jin Kang, Cho Yon Kim, Eric Martin, Nang Thu TT, Frédéric Francis, Coralie Bouloiseau and Nicol Picoron (2020). Presentation of Pukchang fish farm (Democratic People Republic of Korea) in the context of a joint partnership project funded by EU. *Advances in Oceanography & Marine Biology*. DOI: 10.33552/AOMB.2020.02.000534.
  27. Hung Phuc Nguyen , Thinh Van Do , Nang Thu Tran Thi , Trung Anh Trieu (2020). Ethanol-soluble components in soybean meal influence the digestive physiology, hepatic and intestinal morphologies, and growth performance of the marine fish pompano (*Trachinotus blochii*). *Journal of Animal Physiology and Animal Nutrition*. doi: 10.1111/jpn.13490.
  28. Nguyen Dang Hoang Thu , Rachel Sundar Raj , Cao Le Quyen, Le Thi Minh Hang , **Nang Thu Tran Thi** & Philippe Lebailly (2021). Gender Analysis of the Tuna Value Chain's Purchasing Stage in the South Central Provinces of Vietnam-Case Study of Binh Dinh Province. *Asian Social Science*; Vol. 17, No. 1; 2021. ISSN 1911-2017; E-ISSN 1911-2025. Published by Canadian Center of Science and Education. Q3. IF=0.29, H index 25.
  29. Hung Van Mai, Tuan Duc Nguyen, Nang Thu Tran Thi and Hung Phuc Nguyen. Effects of Dietary Fermented Soybean Meals on Tissue Lipid Level, Bile Acid Concentration, Lipase Activity and Lipid Digestibility in Pompano Fish (*Trachinotus blochii*). *Pakistan Journal of Zoology*, pp 1-9, 2021. ( IF=0,790, Q3, SCIE). ISSN 00309923.



30. Thi Mai Nguyen Pamphile S. Agbohessou Thu Hang Nguyen, **Nang Thu Tran Thi Patrick Kestemont** (2022). Immune responses and acute inflammation in common carp *Cyprinus carpio* injected by *E.coli* lipopolysaccharide (LPS) as affected by dietary oils. Fish & Shellfish Immunology, Volume 122, March 2022, Pages 1-12.

31.

### 32. **Xuất bản bằng tiếng Việt**

#### **Bài báo khoa học**

1. Trần Thị Năng Thu (2003). Tỷ lệ ngấm muối và mất nước trong quá trình chế biến thịt vịt muối bằng phương pháp ngâm trong dung dịch: muối, siro, glucose, nước. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Tạp chí Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn) số 3, trang 325-328.
2. Trần Đình Luân, Nguyễn Việt Vinh, Nguyễn Thị Bình, Trần Thị Năng Thu (2011). Thử nghiệm ương nuôi cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) giai đoạn cá hương lên cá giống bằng thức ăn sản xuất trong nước. Tạp chí Khoa học và Phát triển. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 9, số 2 : 233-240.
3. Trần Thị Năng Thu, Nguyễn Việt Vinh, Nguyễn Thị Bình, Trần Đình Luân (2011). Thăm dò khả năng ương cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) giống trong giai đoạn bằng thức ăn trong nước. Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 15 : 72-77.
4. Trần Thị Năng Thu, Trần Ánh Tuyết (2011). Ảnh hưởng của thức ăn đến chất lượng dinh dưỡng và cảm quan thịt cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 24 : 71-75.
5. Trần Đình Luân, Nguyễn Thị Hoa, Trần Thị Năng Thu (2011). Thử nghiệm nuôi vỗ cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) bố mẹ tại Lào Cai bằng thức ăn sản xuất trong nước. Tạp chí Khoa học và Phát triển. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 9, số 6 : 966-971.
6. Dương Văn Thanh, Trần Đình Luân, Trần Thị Năng Thu (2012). So sánh khả năng sử dụng một số nguồn protein thực vật thay thế bột cá trong sản xuất thức ăn cho cá chép (*Cyprinus Carpio*). Tạp chí Khoa học và Phát triển. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 10, số 1 : 148-157.
7. Trần Thị Năng Thu, Nguyễn Thị Thúy (2012). Đánh giá khả năng sử dụng phụ phẩm vùng trong sản xuất thức ăn cho cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 23 : 50-56.
8. Trần Thị Năng Thu (2012). Xác định độ tiêu hóa của một số nguyên liệu thực vật đối với cá trắm cỏ (*Ctenopharyngodon idella*). Tạp chí Khoa học và Phát triển. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 10, số 7 : 986-992.
9. Trần Thị Năng Thu, Nguyễn Thị Hồng Thu (2013). Xác định tỷ lệ tiêu hóa và mức sử dụng cám gạo trong thức ăn hỗn hợp cho cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Khoa học và Phát triển. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 11, số 1 : 46-52.
10. Trần Thị Năng Thu (2013). Nghiên cứu sử dụng khô bã gấc làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 2 : 82-86.
11. Nguyễn Thị Thơm, Trần Thị Năng Thu (2013). Ảnh hưởng của mỡ cá tra và dầu lạnh đến tăng trưởng và hàm lượng axit béo omega-3 của cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 24 : 71-75.
12. Trần Thị Năng Thu (2013). Nghiên cứu sử dụng một số nguyên liệu thực vật trong sản xuất thức ăn cho cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) giai đoạn thương phẩm. Tạp chí

khoa học kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp, Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Số 2/2013, trang 81-86.

13. Kim Văn Vạn, Trần Thị Năng Thu (2013). Ảnh hưởng của hàm lượng đạm trong thức ăn đến tăng trưởng của cá trắm đen (*Mylopharyngodon piceus*) nuôi bán thâm canh. Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Thái Nguyên, tập 101, số 01: 81-84.
14. Trần Thị Năng Thu, Trần Thị Tình (2013). Thức ăn chế biến cho cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*) giai đoạn đầu thương phẩm. Tạp chí Khoa học và Phát triển. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 11, số 3.
15. Nguyễn Thị Dung, Võ Quý Hoan, Nguyễn Văn Đồng, Hoàng Thị Nhân, Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Năng Thu (2015). Nghiên cứu ảnh hưởng của thức ăn bổ sung mỡ cá tra và dầu đậu tương đến hàm lượng axit béo omega 3 của cá chép (*Cyprinus carpio*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 9: 80-85.
16. Trần Thế Mưu, Lê Văn Toàn, Đặng Thị Diệu, Phạm Đức Phương, Trần Thị Năng Thu (2016). Ảnh hưởng của thức ăn đến sinh trưởng, tỷ lệ sống của cá chim vây dài (*Trachinotus Blochii*) và cá chim vây ngắn (*Trachinotus ovatus*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 14 : 41-48.
17. Trần Thị Năng Thu, Nguyễn Hữu Ninh, Trần Thế Mưu, Trần Thị Thập Hiếu, Nguyễn Tuấn Đạt (2016). Xác định độ tiêu hóa của một số thức ăn công nghiệp đối với cá chim vây vàng (*Trachinotus ovatus*) dạng hình vây ngắn. Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, tập 14, số 8: 1185-1189.
18. New Freshwater Aquaculture Systems in the Red River Delta of Vietnam: Evolution of a Key Role in Food Systems and Rural Development (2017). Policy studies organization, Vol. 3, No. 2 / Vol. 4, No. 1 • Fall 2016 / Spring 2017. Pages 33-56.
19. Van Huong, Nguyen; Huu Cuong, Tran; Thi Nang Thu, Tran; Lebailly, Philippe (2018). "Efficiency of Different Integrated Agriculture Aquaculture Systems in the Red River Delta of Vietnam." Sustainability 10, no. 2: 493. Impact factor IF = 2.075.
20. Trần Thị Năng Thu, Lê Xuân Chinh, Trần Thị Thập Hiếu, Nguyễn Công Thiết (2018). Ảnh hưởng của chế độ bỏ đói và định lượng thức ăn đến tăng trưởng, sử dụng thức ăn của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) (2018). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 345 : 71-75.
21. Trần Thị Năng Thu, Lê Xuân Chinh, Trần Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Dung (2018). Ảnh hưởng của tần suất và thời điểm cho ăn đến tăng trưởng và sử dụng thức ăn của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 346 : 87-93.
22. Trần Thị Năng Thu, Lê Thị Hoàng Hằng, Nguyễn Thanh Tùng, Trần Thị Thập Hiếu, Phạm Việt Nguyên, Nguyễn Thị Hậu, Võ Quý Hoan, 2018. Ảnh hưởng của chế độ cho ăn đến tốc độ tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn trên cá da trơn (catfish). Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ chuyên ngành Thủy sản giai đoạn 2013 – 2018. Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn. Nhà xuất bản Thanh Niên. P248 – 258.
23. Ảnh hưởng của chế độ cho ăn đến tốc độ tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn trên cá da trơn (catfish) (2018). Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 24 : 71-75. Kỷ yếu hội thảo khoa học nữ.
24. Mai Văn Tùng, Nguyễn Thị Oanh, Lê Xuân Chinh, Trần Thị Năng Thu (2019). Ảnh hưởng của thức ăn có hàm lượng Protein khác nhau đến tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của lươn đồng (*Monopterus albus*) (2019). Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam. , Vol. 17, No. 8: 630-636.

25. Mai Văn Tùng, Nguyễn Thị Hậu, Trần Thị Năng Thu (2018). Ảnh hưởng của mật độ nuôi và hàm lượng protein trong thức ăn đến tỉ lệ sống và tăng trưởng của cá lóc đầu nhím (*Channa sp.*) nuôi thương phẩm (2019). Tạp chí khoa học nông nghiệp Việt Nam. Vol. 16, No. 11: 939-948.
26. Trần Thị Năng Thu và cs., 2019. Nghiên cứu chế độ ăn đạt hiệu quả kinh tế và giảm ô nhiễm môi trường trong nuôi cá tra thương phẩm. Bản tin Khoa học công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trang 15-18, số 12.
27. Vietnam J. Agri. Sci. 2022, Vol. 20, No. 1: 47-55 **Trần Thị Năng Thu\***, Mai Văn Tùng, Nguyễn Công Thiết, Trịnh Đình Khuyến, Đỗ Thị Ngọc Anh (2022). NGHIÊN CỨU NUÔI CÁ RÔ PHI BẰNG ĐẬU TẮM (*Vicia faba*) TẠO SẢN PHẨM CÁ GIÒN. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 20(1): 47-55.

### *Sách*

28. Nguyễn Tử Cương (chủ biên), **Trần Thị Năng Thu**, Vi Thế Đang, Trần Dũng Sỹ, Bùi Thị Quỳnh Chi, Nguyễn Tử Tuấn Anh, Nguyễn Ngọc Diệp, Đỗ Văn Quyết (2014). 100 câu hỏi đáp về an toàn thực phẩm thủy sản. Nhà xuất bản Nông nghiệp, 176 trang.
29. Hien Van Doan, Seyed Hossein Hoseinifar, Maria Ángeles Esteban, Tran Thi Nang Thu. January 2019. Studies in Natural Products Chemistry. Chapter : Mushrooms, Seaweed, and Their Derivatives as Functional Feed Additives for Aquaculture: An Updated View. DOI: 10.1016/B978-0-444-64185-4.00002-2.

### KHEN THƯỞNG

- Bằng khen Bộ năm 2015
- Bằng khen của Ban chấp hành công đoàn giáo dục Việt Nam về thành tích trong phong trào thi đua Dạy tốt-Học tốt ( 2016)